

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần VITALY trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VITALY (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300398078 ngày 06/01/2005 do Kế hoạch và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2022.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2022 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Cao Trường Thu	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên

Ban Điều hành

Ông Võ Văn Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/6/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị,



Cao Trường Thọ
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Số: 160/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần VITALY

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần VITALY được lập ngày 26/8/2023, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 20.333.834.131 VND, trong đó nợ quá hạn là 1.518.122.428 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 13.196.221.845 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền là 2.378.797.103 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2023 là 35.366.766.889 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc cắt giảm các chi phí, thu hồi các khoản phải thu và gia hạn các khoản vay, khoản phải trả từ bên cho vay, các nhà cung cấp. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán độc lập này được phát hành thay thế cho Báo cáo kiểm toán độc lập số 142/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM ngày 22/8/2023 cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 do hiệu chỉnh lại số liệu đối với Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		122.324.555.278	132.839.771.753
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	656.210.463	1.896.902.763
1. Tiền	111		656.210.463	1.896.902.763
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.736.376.035	8.347.430.829
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.589.545.930	8.166.458.295
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		750.013.371	923.212.534
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	1.145.056.734	6.000.000
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.4	(748.240.000)	(748.240.000)
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	107.275.275.236	117.437.436.966
1. Hàng tồn kho	141		115.734.047.770	123.444.960.396
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.458.772.534)	(6.007.523.430)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.656.693.544	5.158.001.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	2.338.558.840	1.781.162.161
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.211.643.295	3.295.041.830
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.11	106.491.409	81.797.204
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+250+260)	200		77.358.899.242	82.594.376.024
I. Tài sản cố định	220		60.934.577.948	67.466.324.597
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	60.934.577.948	67.466.324.597
- Nguyên giá	222		317.245.455.875	317.245.455.875
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(256.310.877.927)	(249.779.131.278)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	1.669.241.694
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	1.669.241.694
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	2.880.050.000	2.880.050.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.880.000.000	2.880.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000	50.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.544.271.294	10.578.759.733
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	5.624.969.059	2.032.818.890
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	5.9	7.919.302.235	8.545.940.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		199.683.454.520	215.434.147.777

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		144.268.021.409	146.822.492.821
I. Nợ ngắn hạn	310		142.658.389.409	144.102.470.629
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	72.215.807.278	73.724.472.808
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		400.880.460	612.065.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	-	15.595.303
4. Phải trả người lao động	314		-	3.897.854.787
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	6.238.345.165	6.168.270.119
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	12.115.792.396	10.241.599.604
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	51.678.228.700	49.433.277.240
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		9.335.410	9.335.410
II. Nợ dài hạn	330		1.609.632.000	2.720.022.192
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.14	1.609.632.000	2.720.022.192
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		55.415.433.111	68.611.654.956
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	55.415.433.111	68.611.654.956
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.000.000.000	10.000.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		782.200.000	782.200.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(35.366.766.889)	(22.170.545.044)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		(22.170.545.044)	(14.473.250.275)
- LNST chưa phân phối kì này	421b		(13.196.221.845)	(7.697.294.769)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		199.683.454.520	215.434.147.777

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	90.572.919.413	162.142.534.616
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	160.453.753	485.258.541
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.3	90.412.465.660	161.657.276.075
4. Giá vốn hàng bán	11	6.4	92.645.640.848	144.147.719.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(2.233.175.188)	17.509.556.396
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	36.759.346	263.058.128
7. Chi phí tài chính	22	6.6	1.735.465.942	954.053.682
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.701.935.681</i>	<i>941.121.768</i>
8. Chi phí bán hàng	25	6.7	4.188.631.192	7.924.755.950
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	4.963.513.426	4.648.784.270
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(13.084.026.402)	4.245.020.622
11. Thu nhập khác	31	6.8	703.603	189.471.430
12. Chi phí khác	32	6.8	112.899.046	189.562.911
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(112.195.443)	(91.481)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(13.196.221.845)	4.244.929.141
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(13.196.221.845)	4.244.929.141
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	(1.650)	531

Người lập

Trần Thị Phụng

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2023



Võ Văn Tùng

Võ Văn Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2023	ngày 30/6/2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(13.196.221.845)	4.244.929.141
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		6.531.746.649	7.453.585.996
- Các khoản dự phòng	03		2.451.249.104	1.116.732.385
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		33.125.755	94.486.493
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.113.253)	(133.426.657)
- Chi phí lãi vay	06		1.701.935.681	941.121.768
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.479.277.909)	13.717.429.126
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09		(329.632.898)	977.308.508
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10		8.337.551.234	(26.322.566.924)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11		(2.126.030.047)	19.406.384.554
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12		(4.149.546.848)	(22.758.258)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.631.860.635)	(1.258.035.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.378.797.103)	6.497.761.156
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.418.320.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	290.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.113.253	2.881.563
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.113.253	(1.124.529.346)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		52.954.305.050	14.862.551.782
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(51.819.743.782)	(19.225.167.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.134.561.268	(4.362.616.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(1.243.122.582)	1.010.615.610
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	1.896.902.763	6.012.259.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.430.282	11.113.875
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	656.210.463	7.033.988.718

Người lập

Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng

Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2023



Tổng Giám đốc

Võ Văn Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VITALY được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần số 0300398078 ngày 06/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Gạch Ốp lát Số 1 - Đơn vị thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 theo Quyết định số 2007/QĐ-BXD ngày 16/12/2004 của Bộ Xây dựng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2022 là: 80.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu là VTA.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITALY JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt: VITALY J.S.CO

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 249 người (tại ngày 31/12/2022 là 299 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi (thực hiện theo quy hoạch);
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, dây chuyền công nghệ thuộc lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Tư vấn bất động sản (trừ môi giới bất động sản).
- (Công ty phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là sản xuất và kinh doanh gạch men.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, P. Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì	36%	36%

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Giá định về khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 30/06/2023, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 20.333.834.131 VND, trong đó nợ quá hạn là 1.518.122.428 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Công ty có kết quả kinh doanh lỗ với số tiền là 13.196.221.845 VND và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh âm với số tiền là 2.378.797.103 VND. Công ty đang chịu một khoản lỗ lũy kế đến ngày 30/6/2023 là 35.366.766.889 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc cắt giảm các chi phí, thu hồi các khoản phải thu và gia hạn các khoản vay, khoản phải trả từ bên cho vay, các nhà cung cấp.

Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Công ty đã thực hiện cắt giảm lao động để tiết giảm chi phí nhân công.
- Công ty đã làm việc với bên cho vay về việc gia hạn các khoản phải trả trong năm 2023.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Ban Điều hành Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng các giải pháp nêu trên để đảm bảo Công ty có khả năng tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo là khả thi, do vậy Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2023 vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương tại ngày 30/06/2023.
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương tại ngày 30/06/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 40
Máy móc và thiết bị	05- 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Dụng cụ quản lý	03

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm tài sản phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm hoặc không vượt quá thời hạn hiệu lực của bảo hiểm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gắn liền chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán “Chi phí đi vay”

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay phải trả cho ngân hàng và các đơn vị cho Công ty vay vốn.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm gạch men.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh toàn bộ là sản xuất, kinh doanh gạch và hoạt động trong các bộ phận theo khu vực địa lý là các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo khu vực địa lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	1.338.253	10.841.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	654.872.210	1.886.061.570
Tổng	656.210.463	1.896.902.763

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP	6.785.573.639	5.958.657.447
Mohammed Abdul Rahim Kahtan	34.701.470	1.839.112.473
Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Vận Tải Thanh Long	1.259.546.943	31.313.780
Công ty Cổ phần Đầu tư Tập đoàn Việt Nhật	1.166.481.125	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	343.242.753	337.374.595
Tổng	9.589.545.930	8.166.458.295
Trong đó:		
<i>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.3)</i>	<i>6.785.573.639</i>	<i>5.958.657.447</i>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Các khoản phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng cá nhân	6.000.000		6.000.000	-
Phải thu khác	1.139.056.734	-	-	-
Tổng	1.145.056.734	-	6.000.000	-

5.4 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	748.240.000	-	748.240.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	548.240.000	-	548.240.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	100.000.000	-	100.000.000	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Dịch vụ Môi Trường Xanh	-	-	-	548.240.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Thương mại Đất	-	-	-	100.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Xây dựng Hưng Việt Hùng	-	-	-	100.000.000
Tổng	-	-	-	748.240.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.5 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.229.968.736	-	19.648.487.340	-
Công cụ, dụng cụ	2.674.639.388	-	4.799.249.364	-
Thành phẩm	95.829.439.646	(8.458.772.534)	98.997.223.692	(6.007.523.430)
Tổng	115.734.047.770	(8.458.772.534)	123.444.960.396	(6.007.523.430)

5.6 Chi phí trả trước

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	2.338.558.840	1.781.162.161
Công cụ dụng cụ xuất dùng cho phân xưởng sản xuất	1.371.905.642	665.136.974
Chi phí bảo hiểm	51.297.932	84.462.984
Phí dịch vụ sửa chữa	85.932.096	69.333.333
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	829.423.170	962.228.870
b) Dài hạn	5.624.969.059	2.032.818.890
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	5.358.953.068	1.807.889.850
Các chi phí trả trước dài hạn khác	266.015.991	224.929.040
Tổng	7.963.527.899	3.813.981.051

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	81.660.425.483	229.700.209.211	5.821.142.999	63.678.182	317.245.455.875
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	81.660.425.483	229.700.209.211	5.821.142.999	63.678.182	317.245.455.875
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2023	50.587.766.489	194.128.605.739	5.003.390.202	59.368.848	249.779.131.278
Tăng trong kỳ	1.667.403.761	4.753.370.144	106.663.410	4.309.334	6.531.746.649
Khấu hao trong kỳ	1.667.403.761	4.753.370.144	106.663.410	4.309.334	6.531.746.649
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2023	52.255.170.250	198.881.975.883	5.110.053.612	63.678.182	256.310.877.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2023	31.072.658.994	35.571.603.472	817.752.797	4.309.334	67.466.324.597
Tại ngày 30/6/2023	29.405.255.233	30.818.233.328	711.089.387	-	60.934.577.948

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 157.923.043.355 VND (ngày 01/01/2023 là 154.314.099.098 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo khoản vay tại ngày 30/6/2023 với giá trị là 20.205.998.963 VND (ngày 01/01/2023 là 22.778.998.457 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY
 Đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú,
 phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B-09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.8 Đầu tư tài chính dài hạn

	Tỷ lệ				30/6/2023 (VND)				01/01/2023 (VND)			
	Vốn năm giữ biểu quyết	Quyền cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng		
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết												
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	36%	36%	308.160	2.880.000.000			308.160	2.880.000.000				
Đầu tư vào đơn vị khác												
Công ty Cổ phần Đá Hòa An			5	50.000			5	50.000				
Tổng				2.880.050.000				2.880.050.000				

(*) Tài ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/6/2023 như sau:

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Đường N1, khu SXTT Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, P. Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương	Sản xuất bao bì
Đầu tư vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Hòa An	Ấp Cầu Hang, Xã Hòa An, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, sản xuất VLXD, buôn bán vật tư kỹ thuật thiết bị xây dựng.



BẢN THUÝẾT MINH BẠO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng dự trữ để dự phòng thay thế, sửa chữa các dây chuyền máy móc, thiết bị.	7.919.302.235	8.545.940.843
Tổng	7.919.302.235	8.545.940.843

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	30.061.704.975	30.061.704.975	19.365.859.006	19.365.859.006
Công ty Cổ phần Công nghệ He Xa Gon	8.664.682.235	8.664.682.235	9.614.741.542	9.614.741.542
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinatop	1.272.390.159	1.272.390.159	1.327.692.430	1.327.692.430
Công ty TNHH Than Thịnh Huyện	1.016.840.920	1.016.840.920	327.960.320	327.960.320
Công ty TNHH MTV Thương mại Xuất nhập khẩu Long Thiên Nam	1.315.182.992	1.315.182.992	3.715.182.992	3.715.182.992
Các nhà cung cấp khác	2.697.829.280	2.697.829.280	7.847.829.280	7847829280
	27.187.176.717	27.187.176.717	31.525.207.238	31.525.207.238
Tổng	72.215.807.278	72.215.807.278	73.724.472.808	73.724.472.808

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan
(chi tiết tại Thuýết minh 7.3)

38.726.387.210

38.726.387.210

29.013.521.567

29.013.521.567

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.11 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2023
Phải nộp	15.595.303	-	15.595.303	-
Thuế thu nhập cá nhân	15.595.303	-	15.595.303	-
Phải thu	81.797.204	479.754.698	504.448.903	106.491.409
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.801.784	-	-	46.801.784
Thuế thu nhập cá nhân	-	420.808.051	461.150.038	40.341.987
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	34.254.032	40.298.865	6.044.833
Các khoản khác phải thu Nhà nước	34.995.420	24.692.615	3.000.000	13.302.805

5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Lãi vay phải trả Công ty TNHH Mua bán Nợ Việt Nam	5.900.573.024	5.900.573.024
Lãi vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Dương	337.772.141	267.697.095
Tổng	6.238.345.165	6.168.270.119

5.13 Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	12.115.792.396	10.241.599.604
Bảo hiểm xã hội	280.734.980	56.589.843
Hỗ trợ, trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc	1.519.980.250	-
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP (*)	9.610.671.611	9.362.349.088
Bếp ăn Công ty	179.917.111	330.293.639
Các khoản phải trả, phải nộp khác	524.488.444	492.367.034
Tổng	12.115.792.396	10.241.599.604

Trong đó:

Phải trả khác là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

	9.610.671.611	9.362.349.088
--	---------------	---------------

(*) Trong đó, chủ yếu là khoản chi phí lãi vay phải trả cho Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP theo hợp đồng vay vốn số 01/07/HĐVV- VITALY ngày 25/12/2006 với số tiền là 4.757.914.416 đồng và khoản chênh lệch phải trả cổ phần hóa tại thời điểm bàn giao sau khi quyết toán thuế năm 2004 với số tiền là 4.852.757.195 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	30/6/2023		Trong kỳ		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả	51.678.228.700	51.678.228.700	54.064.695.242	51.819.743.782	49.433.277.240	49.433.277.240
Vay ngắn hạn	27.994.040.580	27.994.040.580	52.954.305.050	48.835.535.782	23.875.271.312	23.875.271.312
Vay ngân hàng	27.994.040.580	27.994.040.580	52.954.305.050	48.835.535.782	23.875.271.312	23.875.271.312
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bình Dương [1]	27.994.040.580	27.994.040.580	52.954.305.050	48.835.535.782	23.875.271.312	23.875.271.312
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.684.188.120	23.684.188.120	1.110.390.192	2.984.208.000	25.558.005.928	25.558.005.928
Nợ dài hạn đến hạn trả các bên liên quan	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng công ty Việt liên Xây dựng số 1 - CTCP [2]	20.579.214.440	20.579.214.440	-	-	20.579.214.440	20.579.214.440
Nợ dài hạn đến hạn trả các tổ chức và các nhân khác	3.104.973.680	3.104.973.680	1.110.390.192	2.984.208.000	4.978.791.488	4.978.791.488
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bình Dương	3.104.973.680	3.104.973.680	1.110.390.192	2.984.208.000	4.978.791.488	4.978.791.488
b) Vay dài hạn	1.609.632.000	1.609.632.000	-	1.110.390.192	2.720.022.192	2.720.022.192
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Bình Dương [3]	1.609.632.000	1.609.632.000	-	1.110.390.192	2.720.022.192	2.720.022.192
Tổng	53.287.860.700	53.287.860.700	54.064.695.242	52.930.133.974	52.153.299.432	52.153.299.432

Trong đó:

Vay ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh 7.3)

20.579.214.440

20.579.214.440

20.579.214.440

20.579.214.440

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/93269/HĐTD ngày 30/08/2019 với các thông tin chi tiết như sau:
 - + Số tiền vay: 11.232.182.192 VND;
 - + Mục đích vay: vay đầu tư Hệ thống trạm khí hoá than - Hợp đồng mua bán số 14062019/HĐMB/VTL-VNT ngày 14/06/2019 giữa Công ty CP Vitaly và Công ty CP Tập đoàn Vina Top;
 - + Thời hạn vay: 60 tháng;
 - + Lãi suất 10,5%/ năm (áp dụng tới 01/03/2020), sau đó điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2020/93269/HĐTD ngày 12/08/2020 với các thông tin chi tiết như sau:
 - + Số tiền vay: 1.466.676.288 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua mới hệ thống lò than xích (bao gồm lò than xích đơn và các phụ kiện kèm theo)
 - + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
 - + Lãi suất: 10%/ năm, được điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;
 - Hợp đồng tín dụng số 02/2022/93269/HĐTD ngày 31/08/2022 với các thông tin chi tiết như sau:
 - + Số tiền vay: 2.782.080.000 VND;
 - + Mục đích vay: Đầu tư mua mới Dây chuyền máy đóng bao;
 - + Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân;
 - + Lãi suất: 9,5%/ năm (áp dụng tới 01/03/2023), được điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09 hàng năm theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh;

Handwritten text in red ink at the bottom left corner, including the number 25 and some illegible characters.

CÔNG TY CỔ PHẦN VITALY

Dương N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.14 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Các hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương được đảm bảo bởi các hợp đồng thế chấp sau:

- + Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/93269/HDBD ngày 27/10/2014 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại đường N1, khu sản xuất tập trung Bình Chuẩn, khu phố Bình Phú, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/93269/HDBD ngày 01/02/2016 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là lò than xích và máy mài cạnh.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/93269/HDBD ngày 30/8/2017 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là 5 Máy in kỹ thuật số.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/93269/HDBD ngày 23/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Volkswagen theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 081541 do Phòng CSGT - Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/10/2018.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/93269/HDBD ngày 24/3/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp bao gồm máy ép gạch hiệu HTL, model YP3609, năm sản xuất 2018; máy móc và thiết bị đồng bộ lò nung gạch năm sản xuất 2018.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/93269/HDBD ngày 11/9/2020 được ký giữa Công ty CP VITALY và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là hệ thống trạm khí hóa than theo Hợp đồng mua bán số 14062019/HDMB/VTL-VNT ngày 14/6/2019 với Công ty CP Tập đoàn Vina Top.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2021/93269/HDBD ngày 03/02/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng của toàn bộ hệ thống lò than xích theo Hợp đồng mua bán số 22052020/HDMB/VTL-VNT ngày 22/05/2020 và phụ lục Hợp đồng mua bán số 22052020/PLHB/VTL-VNT ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Top.
- + Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/93269/HDBD ngày 03/11/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương. Tài sản thế chấp là Dây chuyền máy đóng bao theo Hợp đồng mua bán số TM01/VTL-VNT/12052022 ngày 18/05/2022 ký giữa Công ty Cổ phần Vitaly và Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Top.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
	Số dư tại ngày 01/01/2022	Lỗ trong năm	Số dư tại ngày 31/12/2022	Lỗ trong kỳ			
Số dư tại ngày 01/01/2022	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	(14.473.250.275)	76.308.949.725
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(7.697.294.769)	(7.697.294.769)
Số dư tại ngày 31/12/2022	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	(22.170.545.044)	68.611.654.956
Số dư tại ngày 01/01/2023	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	(13.196.221.845)	68.611.654.956
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(13.196.221.845)	(13.196.221.845)
Số dư tại ngày 30/6/2023	80.000.000.000	-	10.000.000.000	-	782.200.000	(35.366.766.889)	55.415.433.111

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 30/6/2023				Tại ngày 01/01/2023				
	Tỷ lệ số hữu (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ số hữu (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ số hữu (%)	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000	30,75	2.460.000	24.600.000.000
Công ty TNHH Mua bán lẻ Việt Nam	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000	25,00	2.000.000	20.000.000.000
Công ty CP Gạch men Thanh Thanh	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000	21,45	1.715.900	17.159.000.000
Các cổ đông khác	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000	22,80	1.824.100	18.241.000.000
Tổng	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000	100	8.000.000	80.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	80.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại ngày 30 tháng 06	80.000.000.000	80.000.000.000

d. Cổ phiếu

	30/6/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	8.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	782.200.000	782.200.000
Tổng	782.200.000	782.200.000

5.16 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại	30/6/2023	01/01/2023
USD	17.445,83	2.820,35
Nợ khó đòi đã xử lý	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Trần Quốc Tiến	2.934.347.458	2.934.347.458
Công ty TNHH Bắc Âu	1.671.343.963	1.671.343.963
Công ty CP SX TMDV Gạch Mỹ	833.015.278	833.015.278
Các đối tượng khác	5.597.178.513	5.597.178.513
Tổng	11.035.885.212	11.035.885.212

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm	89.622.729.731	156.152.636.502
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	950.189.682	5.989.898.114
Tổng	90.572.919.413	162.142.534.616
Trong đó:		
<i>Doanh thu bán hàng cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>62.886.605.055</i>	<i>79.364.841.461</i>

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Hàng bán bị trả lại	81.556.339	260.187.747
Giảm giá hàng bán	78.897.414	225.070.794
Tổng	160.453.753	485.258.541
Trong đó:		
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu cho các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 7.3)</i>	<i>77.883.414</i>	<i>385.336.280</i>

6.3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	89.462.275.978	155.667.377.961
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	950.189.682	5.989.898.114
Tổng	90.412.465.660	161.657.276.075

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.4 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	89.114.112.360	137.413.217.932
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	1.080.279.384	7.041.764.307
Dự phòng giảm giá của hàng tồn kho	2.451.249.104	(307.262.560)
Tổng	92.645.640.848	144.147.719.679

6.5 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi	1.113.253	2.881.563
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.646.093	143.462.322
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	116.714.243
Tổng	36.759.346	263.058.128

6.6 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền vay	1.701.935.681	941.121.768
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	404.506	12.931.914
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	33.125.755	-
Tổng	1.735.465.942	954.053.682

Trong đó:

*Chi phí tài chính với các bên liên quan
 (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.3)*

248.322.523	248.322.523
-------------	-------------

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	4.188.631.192	7.924.755.950
Chi phí nhân viên bán hàng	1.730.402.053	3.497.467.978
Chi phí xuất khẩu gạch	519.740.640	2.718.552.458
Chi phí vật liệu, bao bì	285.056.415	275.622.004
Chi phí bốc xếp, vận chuyển gạch	512.633.533	870.515.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	198.367.909	324.121.721
Chi phí bằng tiền khác	942.430.642	238.476.093
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.963.513.426	4.648.784.270
Chi phí nhân viên quản lý	1.986.595.944	3.097.181.706
Chi phí đồ dùng văn phòng	66.423.818	55.213.925
Chi phí khấu hao tài sản cố định	110.972.744	187.488.963
Thuê phí và lệ phí	116.052.861	152.626.435
Chi phí trợ cấp thôi việc	1.626.550.250	211.190.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	580.760.846	474.158.147
Chi phí bằng tiền khác	476.156.963	470.925.094
Tổng	9.152.144.618	12.573.540.220

6.8 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý TSCĐ	-	130.545.094
Các khoản thu nhập khác	703.603	58.926.336
Tổng	703.603	189.471.430
<i>Chi phí khác</i>		
Lãi chậm nộp BHXH	-	8.091.886
Các khoản chi phí khác	112.899.046	181.471.025
Tổng	112.899.046	189.562.911
Lợi nhuận khác	(112.195.443)	(91.481)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	69.133.672.933	127.154.062.282
Chi phí nhân công	15.032.908.278	28.301.853.459
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.531.746.649	7.453.585.996
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.225.035.457	9.894.983.311
Chi phí khác bằng tiền	2.967.864.725	1.073.363.262
Tổng	96.891.228.042	173.877.848.310

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(13.196.221.845)	4.244.929.141
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm:</i>	<i>238.100.714</i>	<i>(4.244.929.141)</i>
<i>Thù lao của HĐQT, BKS không trực tiếp điều</i>	<i>129.000.000</i>	<i>129.000.000</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>106.062.454</i>	<i>150.607.416</i>
<i>Lỗi năm trước chuyển sang</i>	<i>-</i>	<i>(4.538.596.550)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện</i>	<i>3.038.260</i>	<i>14.059.993</i>
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(12.958.121.131)	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(13.196.221.845)	4.244.929.141
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(13.196.221.845)	4.244.929.141
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.650)	531

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản Số 1	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Cùng hệ thống
4	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

7.2 Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và người quản lý khác

Bên liên quan	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị		90.000.000	95.000.000
Ông Cao Trường Thụ	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Danh Dũng	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Việt Lợi	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên	15.000.000	5.000.000
Ông Ngô Xuân Chính	Thành viên	-	15.000.000
Ông Phạm Minh Tâm	Thư ký	12.000.000	12.000.000
Ban Kiểm soát		39.000.000	39.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Trưởng ban	15.000.000	15.000.000
Bà Hoàng Thị Xuân Thủy	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Đào Quang Sơn	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ban Điều hành		528.086.000	569.426.000
Ông Võ Văn Tùng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	340.347.000	345.244.000
Ông Lưu Hữu Thùy	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 11/11/2022)	187.739.000	-
Ông Huỳnh Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 03/11/2022)	-	224.182.000
Kế toán trưởng		225.768.000	225.772.000
Bà Phạm Thị Quế	Kế toán trưởng	225.768.000	225.772.000
Tổng		882.854.000	929.198.000

BẢN THUÝẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Tình chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
Bên liên quan				
Giao dịch mua				
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Mua hàng	32.732.475.835	25.315.833.033
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam A	Cùng hệ thống	Mua hàng	27.889.013.035	9.913.194.430
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Cùng hệ thống	Mua hàng	4.843.462.800	5.109.593.203
Giao dịch bán			62.886.605.055	79.364.841.461
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Giảm trừ doanh thu	-	32.274.905
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Bán hàng	61.088.983.890	79.024.810.116
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Cùng hệ thống	Bán hàng	1.797.621.165	290.202.685
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây dựng Tân Định - FICO	Cùng hệ thống	Bán hàng	-	17.553.755
Giao dịch khác			737.976.137	388.186.523
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Lãi vay phải trả	248.322.523	248.322.523
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam A	Cùng hệ thống	Nhận hàng mẫu	352.411.919	-
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	Cùng hệ thống	Bồi thường gạch bể	135.903.695	135.832.000
		Khác	897.000	-
		Khác	441.000	4.032.000
Giảm trừ doanh thu				
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	Cổ đông lớn	Giảm giá hàng bán	77.883.414	385.336.280
Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm Fico	Cùng hệ thống	Giảm giá hàng bán	77.883.414	353.061.375
			-	32.274.905

Handwritten notes and stamps in red ink at the bottom of the page.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	
	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	6.785.573.639	5.958.657.447
Tổng	6.785.573.639	5.958.657.447
Phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	-	32.921.019
Công ty Cổ phần Bao bì và Khoáng sản số 1	8.664.682.235	9.614.741.542
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	30.061.704.975	19.365.859.006
Tổng	38.726.387.210	29.013.521.567
Phải trả khác		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	9.610.671.611	9.362.349.088
Tổng	9.610.671.611	9.362.349.088
Vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1 - CTCP	20.579.214.440	20.579.214.440
Tổng	20.579.214.440	20.579.214.440

18/11/2023 11:37:08 AM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

7.4 Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý

Lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ là hoạt động sản xuất và kinh doanh gạch.

Khu vực địa lý

Các sản phẩm gạch của Công ty được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	84.443.479.497	5.968.986.163	90.412.465.660
Giá vốn hàng bán	(86.529.221.566)	(6.116.419.282)	(92.645.640.848)
Lợi nhuận gộp	(2.085.742.069)	(147.433.119)	(2.233.175.188)
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	34.332.512	2.426.834	36.759.346
Chi phí tài chính	(1.620.891.341)	(114.574.601)	(1.735.465.942)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	(8.547.924.567)	(604.220.051)	(9.152.144.618)
Thu nhập khác	657.151	46.452	703.603
Chi phí khác	(105.445.507)	(7.453.539)	(112.899.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	(12.325.013.821)	(871.208.024)	(13.196.221.845)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022, như sau:

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Doanh thu tiêu thụ trong nước	Doanh thu xuất khẩu	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	145.571.279.042	16.085.997.033	161.657.276.075
Giá vốn hàng bán	(129.804.042.442)	(14.343.677.237)	(144.147.719.679)
Lợi nhuận gộp	15.767.236.600	1.742.319.796	17.509.556.396
Kết quả bộ phận			
Doanh thu hoạt động tài chính	236.882.057	26.176.071	263.058.128
Chi phí tài chính	(859.118.860)	(94.934.822)	(954.053.682)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng	(11.322.387.562)	(1.251.152.658)	(12.573.540.220)
Thu nhập khác	170.617.736	18.853.694	189.471.430
Chi phí khác	(170.700.114)	(18.862.797)	(189.562.911)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	3.822.529.858	422.399.283	4.244.929.141

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 30/6/2023:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	10.196.300.080	143.259.221	10.339.559.301
Tài sản không phân bổ			189.343.895.219
Tổng tài sản	10.196.300.080	143.259.221	199.683.454.520
Nợ phải trả bộ phận	70.629.103.828	1.987.583.910	72.616.687.738
Nợ phải trả không phân bổ			71.651.333.671
Tổng nợ phải trả	70.629.103.828	1.987.583.910	144.268.021.409

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2023:

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả	Hoạt động trong nước	Hoạt động xuất khẩu	Tổng
Tài sản bộ phận	7.142.427.256	1.947.243.573	9.089.670.829
Tài sản không phân bổ			206.344.476.948
Tổng tài sản	7.142.427.256	1.947.243.573	215.434.147.777
Nợ phải trả bộ phận	72.238.717.246	2.097.820.920	74.336.538.166
Nợ phải trả không phân bổ			72.485.954.655
Tổng nợ phải trả	72.238.717.246	2.097.820.920	146.822.492.821

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Trần Thị Phụng

Kế toán trưởng



Phạm Thị Quế

Bình Dương, ngày 26 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Võ Văn Tùng